

## NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

## ẤN DỤ NGỮ ÂM TRONG KHÚC *HỒNG LÂU MỘNG DẪN TỬ* PHAN THỊ HÀ\*

**TÓM TẮT:** *Ấn dụ ngữ âm* là thuật ngữ được Ivan Fónagy đưa ra lần đầu vào năm 1999 và dần được định hình, phát triển qua các nghiên cứu nổi bật như *Phonetic Metaphor* (2003) của Branko Vuletic, *Some Reflections on Phonetic Metaphor* (2005) của Lihong, v.v. Tìm hiểu và phân tích các ấn dụ ngữ âm trong tác phẩm văn học kinh điển *Hồng lâu mộng* cũng được quan tâm nghiên cứu nhiều ở Trung Quốc. Bài viết dựa vào kết quả nghiên cứu của những người đi trước, trên cơ sở thuyết ánh xạ (mapping) và thuyết ấn dụ tri nhận tiến hành phân tích các ấn dụ ngữ âm trong bài thơ ngắn *Hồng lâu mộng dẫn tử* 《引子》 để thấy được khả năng tạo nghĩa và tính ứng dụng cao của loại ấn dụ này trong sáng tác thơ văn, đồng thời gợi mở cho độc giả hướng tiếp cận tác phẩm văn học hoàn toàn mới từ góc nhìn tri nhận luận.

**TỪ KHÓA:** tương đồng và tương cận ngữ âm; ấn dụ ngữ âm; ánh xạ đồng âm; sử dụng ngôn ngữ; ấn dụ tri nhận.

**NHẬN BÀI:** 14/12/2020.

**BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG:** 6/2/2021

### 1. Dẫn nhập

*Hồng lâu mộng* là tác phẩm văn học đầu tiên viết bằng Bạch thoại - nền tảng của ngôn ngữ Hán hiện đại, đã khai thác triệt để và hiệu quả hiện tượng đồng âm như một hình thức ấn dụ tạo nên sự độc đáo và thành công vượt bậc về mặt nghệ thuật của tác phẩm. Trong *Hồng lâu mộng* có thể dễ dàng tìm thấy hàng trăm ấn dụ ngữ âm được thể hiện dưới nhiều hình thức như tên họ nhân vật, tên địa danh, kiến trúc, tên các vật dụng, trong thơ, từ, câu đối, câu đố đèn, truyện cười và trong cả lời thoại nhân vật... Bài viết từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận, dựa vào lí thuyết ánh xạ (Mapping) phân tích ấn dụ ngữ âm trong bài thơ *Hồng lâu mộng dẫn tử* 《引子》 (*Lời mở đầu vở Hồng lâu mộng*) (hồi 5). Qua đó mong muốn giới thiệu tới độc giả một khía cạnh khác về nội dung tác phẩm và nghệ thuật sử dụng ngôn từ rất độc đáo của nhà văn Tào Tuyết Cần.

### 2. Cơ sở lí luận

Thuật ngữ *ấn dụ ngữ âm* (Phonetic Metaphor) được Ivan Fónagy đưa ra lần đầu tiên vào năm 1999 trong công trình có tựa *Why Iconicity*. Theo tác giả, tính hình hiệu (còn gọi là tính mô phỏng-iconicity) ở mặt ngữ âm, cụ thể là phương thức phát âm, cũng có giá trị tạo nghĩa và ý nghĩa mà nó thể hiện là những trạng thái tình cảm tương ứng với phương thức phát âm của âm đó gọi đó là ấn dụ ngữ âm - Phonetic Metaphor.

Branko Vuletic trong một nghiên cứu của ông có tựa *Phonetic Metaphor (Ấn dụ ngữ âm)* (2003) đã định nghĩa ấn dụ ngữ âm như sau: *Sự liên tưởng về các nội dung khác nhau thông qua sự tương đồng hoặc tương cận giữa những năng biểu<sup>1</sup> của chúng được gọi là ấn dụ ngữ âm* (the association of different contents through similarity and closeness of their signifiers can be called *sound metaphor*) [Vuletic, 398;14]. Năng biểu (signifier) ở đây là đơn vị ngữ âm (sound). Ngữ âm có thể tạo ra sự liên tưởng đến các nội dung khác nhau là do động lực nội tại (inner motivation) giữa các từ tạo nên, giữa những từ này phải có các thành phần ngữ âm (sound elements) đồng nhất (identical) hoặc tương tự (similar) với nhau.

Ở Trung Quốc, Lihong là người đầu tiên dẫn dùng khái niệm *ấn dụ ngữ âm* trong bài viết có tựa *Some Reflections on Phonetic Metaphors* (2005). Đồng quan điểm với Ivan Fónagy, bà cho rằng *ấn dụ ngữ âm* thực tế là vấn đề về tính hình hiệu ngữ. Ngoài ra bà còn dựa trên quan điểm của các nhà ngôn ngữ học tri nhận G.Lakoff và R.W.Langacker mở rộng phạm vi nghiên cứu ấn dụ ngữ âm ở cấp độ là một đơn vị biểu trưng - symbolic unit (sự kết hợp của đơn vị ngữ âm với đơn vị ngữ nghĩa) và

\* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;  
Email: phanthiha04@gmail.com

cho rằng ẩn dụ ngữ âm là “*dùng một đơn vị biểu trưng để nói rõ hoặc kích hoạt một đơn vị biểu trưng khác*”.

Tiếp thu các quan điểm nêu trên, nhiều nghiên cứu về ẩn dụ ngữ âm trong tiếng Hán được tiến hành trong nhiều lĩnh vực như văn chương, nghệ thuật, quảng cáo, giảng dạy ngoại ngữ, đặt tên, đặt tiêu đề báo chí, v.v. Riêng lĩnh vực văn chương, rất nhiều nghiên cứu tập trung vào khai thác hiện tượng ẩn dụ ngữ âm trong tác phẩm *Hồng lâu mộng*. Có thể kể đến những nghiên cứu nổi bật như *Ẩn dụ ngữ âm trong Hồng lâu mộng* của Tan Shanyan và Huang Shuguang (2008); *Ẩn dụ ngữ âm trong tên nhân vật của Hồng lâu mộng nhìn từ góc độ pha trộn ý niệm* của Cheng Yige, Pengchen, Huangpan (2017); *Phân tích ẩn dụ ngữ âm trong tên họ nhân vật nữ trong Hồng lâu mộng* (Lihan, 2017), v.v.

### 3. Ẩn dụ ngữ âm trong khúc *Hồng lâu mộng dẫn từ*

Sử dụng phương thức ẩn dụ ngữ âm (hay ánh xạ đồng âm) để gắn kết cốt truyện, miêu tả, khắc họa hình tượng nhân vật, hoặc là để ngầm kể những chuyện “thâm cung bí sử” của giai cấp thống trị đương thời... đã được tác giả Tào Tuyết Cần khéo léo thể hiện trong rất nhiều bài thơ, bài từ xuyên suốt *Hồng lâu mộng*. Xét riêng trong bài thơ ngắn bốn câu *Hồng lâu mộng dẫn từ* 《引子》(Lời mở đầu của vở *Hồng lâu mộng*) đã có tới bốn ẩn dụ ngữ âm. Qua phân tích các ẩn dụ này chúng ta sẽ khám phá được nhiều điều thú vị.

<p>开辟鸿蒙，谁为情种？ 都只为风月情浓。 奈何天，伤怀日，寂寥时，试遣愚衷： 因此上演出这怀金悼玉的《红楼梦》梦</p>	<p><i>Khai tịch hồng mông, thùy vì tình chủng? Đô chỉ vì phong nguyệt tình nồng Nại hà thiên, thương hoài nhật, tịch liêu thì, thí khiển ngu trung Nhân thử thượng, diễn xuất giá bi kim điệu ngọc "Hồng lâu" mộng.</i></p>
--	---

Nhóm Vũ Bội Hoàng dịch:

*Mật mùng khi mới mở toang, Giống tình ai đã chịu mang vào mình.*

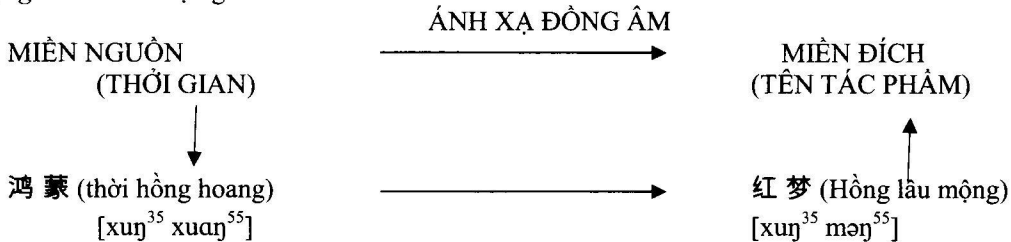
*Chỉ vì tình lại gặp tình, Gió trăng nồng đượm không đành xa nhau.*

*Khi vắng vẻ, lúc buồn rầu, Thừa trời nên dãi nổi sầu thơ ngậy.*

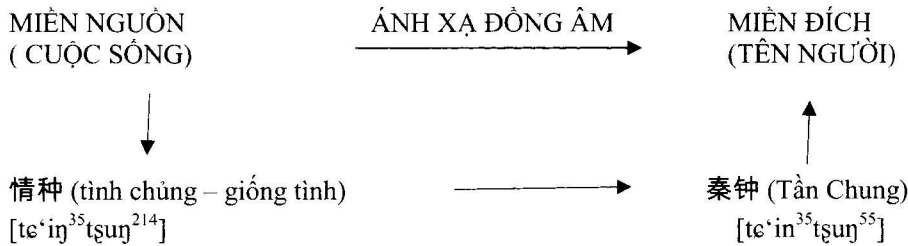
*Mộng hồng lâu diễn khúc này. Thương vàng tiếc ngọc tỏ bày nổi riêng.*

Bài thơ xuất hiện ở hồi thứ 5 - hồi truyện quan trọng nhất trong tác phẩm *Hồng lâu mộng* vì tổng quát tất cả những nhân vật và những sự việc quan hệ mật thiết tới các nhân vật chính trong tác phẩm. Khúc *Hồng lâu mộng dẫn từ* 《引子》 mở đầu cho vở “*Hồng lâu mộng*” được các tiên nữ diễn hát cho Giả Bảo Ngọc nghe khi anh ta ngủ ở buồng ngủ của người cháu dâu tên Tần Thị và mơ lạc vào cõi tiên. Bài thơ có bốn ẩn dụ ngữ âm sau:

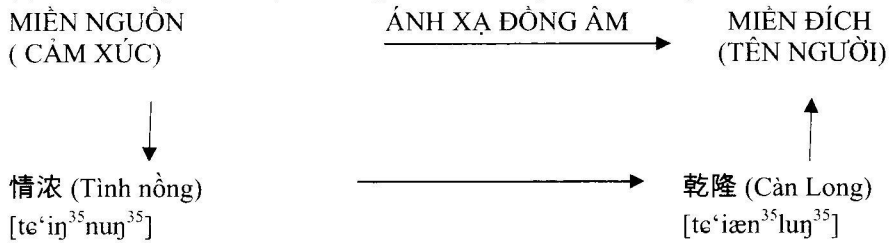
(1) *Hồng mông* “*鸿蒙*” (thời hồng hoang) liên tưởng đến *hồng mộng* “*红梦*” tức *Hồng lâu mộng*. Sơ đồ ánh xạ ngữ âm như sau:



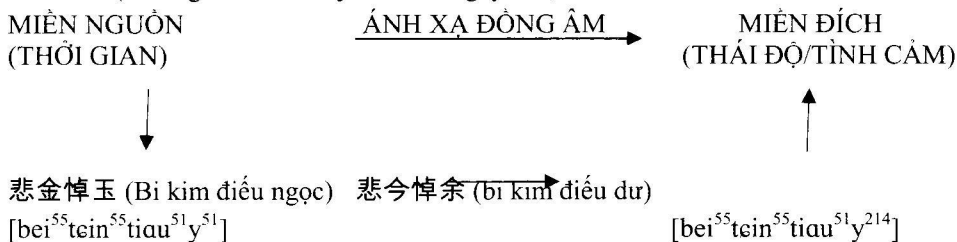
(2) *Tình chủng* “*情种*” (giống tình) chỉ nhân vật Tần Chung (秦钟)



(3) *Tình nồng* “情浓” (tình nồng) ám chỉ hoàng đế Càn Long (乾隆)



(4) *Bi kim điều ngọc* “悲金悼玉” (thương vàng tiếc ngọc), đồng âm với cụm từ *bi kim điều dư* “悲今悼余” (thương cho hôm nay tiếc cho ngày sau)



Ẩn dụ (1) *hồng mộng* liên tưởng đến tên sách *Hồng lâu mộng*; ẩn dụ (2) *Tình chủng* và ẩn dụ (3) *Tình nồng* lần lượt liên tưởng đến hai nhân vật trong truyện là Tần Chung và Tần Nghiệp - ánh xạ của hai nhân vật lịch sử là Ung Chính và Càn Long. Hai nhân vật Ung Chính, Càn Long và những sự việc xảy ra với nhà họ Tào trong giai đoạn lịch sử này là chất liệu để Tào Tuyết Cần viết nên tuyệt tác *Hồng lâu mộng*. Ẩn dụ (4) *bi kim điều ngọc* trong câu thơ cuối chính là thái độ, tâm tư của tác giả và cũng là lời cảm thán của tác giả trước thực tế xã hội đương thời, tiếc nuối thời kì vàng son, cường thịnh, an bình đã qua.

Nhà bình sách Chi Nghiêן Trai đã giải thích tên Tần Nghiệp là: “业者，孽也，盖云情因孽而生也” (*Nghiệp giả, Nghiệt dã, cái vân tình nhân nghiệt nhi sinh dã*, nghĩa là: Nghiệp là Nghiệt vậy, ngầm nói *tình* là do *nghiệt* sinh ra). *Tình* “情” chỉ Tần Chung (秦钟) - tức Càn Long (乾隆) là do Tần Nghiệp (ám chỉ Ung Chính) tạo nghiệt mà sinh ra.

Tại sao hai nhân vật Tần Chung và Tần Nghiệp lại ám chỉ đến cha con Ung Chính, Càn Long?

Năm 1740, Càn Long sau khi kế vị vua cha Ung Chính lại khám xét nhà tác giả Tào Tuyết Cần một lần nữa khiến cho nhà họ Tào hoàn toàn sụp đổ. Cụm từ là *tình chủng* “情种” vừa đồng âm với họ tên của nhân vật Tần Chung vừa là cụm từ miêu tả bản chất, tính cách của nhân vật này. Cụm từ *tình nồng* “情浓” phát âm gần giống với tên Càn Long (乾隆) nên nhiều nhà nghiên cứu cho rằng

nhân vật Tần Chung được tác giả dùng để ám chỉ vua Càn Long đa tình (hợp với ẩn ý trong tên Tần Chung). Hơn nữa, trong hồi 5, Tần Chung tự xưng mình sinh ra trong *thanh hàn chi gia* (清寒之家) (gia cảnh thanh bần), trong đó “寒” (hàn) đồng âm với từ “汗” (hán) là tên hiệu vua các dân tộc phương Bắc Trung Quốc thời cổ đại. *Thanh hàn chi gia* “清汗之家” ám chỉ nhà Thanh. Năm 1723 là năm trị vì đầu tiên của Ung Chính, vì mới soán ngôi nên có nhiều kẻ thù vì vậy phải ngày đêm bận nghĩ mưu bày kế diệt trừ. Điều này tương đồng với những gì Tần Chung đã nói về cha của mình - cũng bận rộn, bận bề công việc.

Tần Chung được liên tưởng đến Càn Long, cha Tần Chung là Tần Nghiệp đương nhiên sẽ tương ứng với Ung Chính - cha của Càn Long. Ung Chính có nhiều điểm tương đồng với vị hoàng đế đầu tiên của Trung Quốc là Tần Thủy Hoàng. Tần Thủy Hoàng đã giết cả mẹ và anh em ruột, giết cả con trai can gián mình, giết cả kẻ đưa mình lên ngôi là Lã Bất Vi, đốt sách chôn nhà nho, cướp tất cả mỹ nữ khắp nước đem vào cung... Những việc làm của Ung Chính cũng giống như Tần Thủy Hoàng: giết anh em, giết con trai đã can gián mình là Hoàng Thời, giết người giúp mình soán ngôi là Niên Canh Nghiêu, Long Khoa Đa; mở cuộc thanh trừng “ngục văn tự” (文字狱) quy mô lớn, đốt sách diệt nho (những người theo tư tưởng phản Thanh), Ung Chính cũng là vị vua háo sắc, chỉ 13 năm trị vì nhưng số lượng cung tần mỹ nữ chỉ đứng sau Khang Hi và Càn Long... Ngoài ra tên của vua Ung Chính là Dận Chân (胤禛) đồng âm với Doanh Chính (嬴政) - tên của Tần Thủy Hoàng. Có nhiều lí do để khiến cho cha con nhân vật Tần Chung và Tần Nghiệp được xem là hình ảnh phản chiếu của cha con Càn Long và Ung Chính, vì vậy hai nhân vật trong truyện mới có họ Tần của Tần Thủy Hoàng là vậy.

Ngoài ra, bốn ẩn dụ trên không chỉ là lời giới thiệu *Hồng lâu mộng* và những câu chuyện có thật ẩn chứa trong đó mà còn ám chỉ rằng tác phẩm chính là lời tố cáo cha con vua Ung Chính - Càn Long đã gây ra bao nhiêu oan ức cho gia đình họ Tào. Trước khúc *Dẫn tử* còn xuất hiện bốn vị tiên nữ có tên là Si Mộng (痴梦), Chung Tình (钟情), Dẫn Sầu (引愁) và Độ Hận (度恨), khi ghép bốn chữ đầu và bốn chữ cuối trong mỗi cái tên này sẽ tạo ra một ẩn dụ ngữ âm mới - câu nói đồng âm: *tri chung dẫn độc, mộng Càn thù hận* (知钟引读, 梦乾仇恨). Ý nghĩa câu nói này khắc họa thêm nỗi thù hận, oán trách cha con Ung Chính - Càn Long đã tiến hành phong trào “ngục văn tự” (文字狱) tàn sát nhiều văn sĩ yêu nước. Và có lẽ vì biết được những sự thật này nên rất nhiều nhà bình sách *Hồng lâu mộng* thời kì đầu đã không dám công khai tên họ, và giai cấp thống trị đương thời cũng thấy được ý đồ sáng tác của tác giả là muốn phơi bày sự thật nên thời gian đầu tác phẩm cũng bị cấm lưu truyền.

Có lẽ đây là điều đặc biệt nhất ở phong cách sử dụng ngôn ngữ của họ Tào: kể chuyện, tâm tình bằng thơ, miêu tả, đánh giá nhân vật bằng thơ, nhưng đồng thời còn sử dụng phương thức ánh xạ đồng âm có thể khẳng định thêm lần nữa những ngụ ý, ngụ tình mà tác giả muốn gửi gắm. Đó có thể là câu chuyện lâu đời của cả một dòng họ, của một và nhiều thời kì lịch sử có liên hệ với nhau. Hoặc có khi đó chỉ đơn giản là cách xử lí trong vận dụng ngôn từ thể hiện phong cách riêng của tác giả: dùng ẩn dụ ngữ âm kết hợp với ý nghĩa bài thơ để miêu tả, nhận định thêm về nhân vật cho ngắn gọn, súc tích nhưng vẫn đầy đủ thông tin và thêm phần lãng mạn cho tác phẩm.

#### 4. Kết luận

Bài thơ *Hồng lâu mộng dẫn tử* tuy ngắn nhưng chứa đựng nhiều thông tin và ý nghĩa khác ngoài ý nghĩa của biểu thức ngôn từ. Để làm được điều này, tác giả Tào Tuyết Cần đã sử dụng thủ pháp ẩn dụ trên cơ sở tương đồng và tương cận ngữ âm. Việc vận dụng lí thuyết ánh xạ để phân tích hiện tượng ẩn dụ ngữ âm nhằm giải mã nội dung, ý nghĩa hàm ẩn là hình thức mới lạ, phù hợp với xu hướng nghiên cứu liên ngành hiện nay. Qua đó cho thấy, tác giả đã vận dụng, khai thác khéo léo và tài tình ưu thế ngôn ngữ dân tộc Hán: ít âm tiết nhưng giàu hình tượng; tận dụng tối đa và hiệu quả đặc trưng

của tiếng Hán đó là sự tương đồng trong phát âm làm cơ sở tạo nên những ẩn dụ ngữ âm độc đáo mang tính biểu trưng và tính khái quát cao, góp phần giúp nội dung tác phẩm cô đọng, súc tích, sáng tạo và thú vị hơn.

Chú thích:

<sup>1</sup> Năng biểu ở đây được hiểu là hình ảnh âm thanh, là một dấu hiệu tâm lí của một âm, là cái biểu tượng mà các giác quan của con người cung cấp cho họ về cái âm đó, nó thuộc cảm quan chứ không phải là cái âm vật chất, một vật thuần vật lí.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Branko Vuletić (1999), *Phonetic Metaphor*, Russian Literature, Volume 54, Issues 1-3, 2003; Fonagy, Ivan, *Why Iconicity*, in Nănyy Max & Olga Fischer (eds.) *Form Miming Meaning - Iconicity in Language and Literature*, Amsterdam: John Benjamins, 1999:19-22.
2. 李弘《语音隐喻初探》(2005), 四川外语学院学报, 第3期.
3. 程怡阁、彭晨、黄群(2017),《概念整合视角下《红楼梦》中名字的语音隐喻》海外英语 Overseas English, 2017/4, ISSN 1009-5039.
4. 李涵(2016),《浅析红楼梦中女性名字的语音隐喻》四川外国语大学成都学院 文学与艺术, 2016/4.

#### Phonetic metaphor in the poem *Yinzi*

**Abstract:** The term “Phonetic Metaphor” was initiated by Ivan Fonagy in 1999, which gradually formed, developed through outstanding studies such as *Phonetic Metaphor* (2003) of Vuletić Branko, *Some Reflections on Phonetic Metaphor* (2005) of Li Hong etc. Understanding and analyzing phonetic metaphors in *Dream in the Red Chamber* is also researched in China. The article is based on the research results of the predecessors, on the basis of the Mapping Theory and Conceptual Metaphor theory analyze the phonetic metaphor in the short poem 《引子》 to see the ability to create meaning and high applicability of this kind of metaphor in writing poetry, suggest to readers the new approach to learn literary work from cognitive perspective.

**Key words:** phonetic metaphor; cognitive metaphor; homonymy; using language; conceptual metaphor.